

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Thu H, sinh năm 1980;

**Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1978;

Đầu ĐKKHTT: Khu 5, xã CH, thành phố VT, tỉnh PT.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 59, Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc T tình ly hôn và thỏa T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2022, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thu H và anh Phạm Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

\* Về con chung: Chị Đặng Thị Thu H và anh Phạm Ngọc T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Minh V, sinh ngày 26/3/2005 và cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 28/5/2009, khi ly hôn hai bên tự nguyện thỏa T như sau:

- Chị Đặng Thị Thu H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 28/5/2009;

- Anh Phạm Ngọc T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Minh V, sinh ngày 26/3/2005;

Hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp

nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

\* Về tài sản chung: Chị Đặng Thị Thu H và anh Phạm Ngọc T đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa T về việc chia tài sản chung của vợ chồng theo Biên bản phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn ngày 31/3/2022, cụ thể như sau:

Chị Đặng Thị Thu H và anh Phạm Ngọc T đều xác định vợ chồng đều có tài sản chung sau: Quyền sử dụng đất 660m<sup>2</sup> (trong đó có 60m<sup>2</sup> đất ở và 600m<sup>2</sup> đất vườn), tại thửa đất số 800, tờ bản đồ 27; ở khu 5, xã CH, thành phố VT, tỉnh PT; trên đất có 01 ngôi nhà xây mái bằng và 01 nhà kho lợp proximang (đều xây năm 2009). Nguồn gốc đất do bố mẹ đẻ anh T chuyển nhượng cho vợ chồng năm 2009. Nhà và đất được UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB141117 ngày 23/3/2010, mang tên chị Đặng Thị Thu H và anh Phạm Ngọc T. Nay chị H và anh T tự nguyện thỏa T như sau:

Anh Phạm Ngọc T được toàn quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt tài sản là: Quyền sử dụng đất 660m<sup>2</sup> (trong đó có 60m<sup>2</sup> đất ở và 600m<sup>2</sup> đất vườn), tại thửa đất số 800, tờ bản đồ 27; ở khu 5, xã CH, thành phố VT, tỉnh PT; trên đất có 01 ngôi nhà xây mái bằng và 01 nhà kho lợp proximang (đều xây năm 2009). Nguồn gốc đất do bố mẹ đẻ anh T chuyển nhượng cho vợ chồng năm 2009. Nhà và đất được UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB141117 ngày 23/3/2010, mang tên chị Đặng Thị Thu H và anh Phạm Ngọc T.

Anh Phạm Ngọc T tự nguyện thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung cho chị Đặng Thị Thu H với tổng số tiền là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Xác nhận anh T đã thanh toán xong cho chị H số tiền là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), theo Giấy biên nhận ngày 12/4/2022.

\* Về công nợ và công sức: Chị Đặng Thị Thu H và anh Phạm Ngọc T không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Về chi phí tố tụng: Chị Đặng Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ chi phí tố tụng, số tiền là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*). Xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền 8.000.000 đồng, (*Tám triệu đồng*).

\* Về án phí: Chị Đặng Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị Đặng Thị Thu H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí; theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0009252 ngày 21/02/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT, tỉnh PT. Trả lại cho chị Đặng Thị Thu H 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP.VT, T.PT;
- Chi cục THADS TP.VT;
- UBND xã CH, TP.VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV./.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Bình Luyến**